

Số: 3554 /KH-UBND

Bình Thuận, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2022-2030

Thực hiện Quyết định số 5628/QĐ-BYT ngày 09/12/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và phòng chống bệnh Răng miệng tại cộng đồng giai đoạn 2022- 2030; Công văn số 4182/BYT-KCB ngày 04/8/2022 của Bộ Y tế về việc thành lập Ban chỉ đạo Đề án 5628 địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2022-2030 (sau đây viết tắt là Đề án) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển chuyên khoa Răng Hàm Mặt tại các cơ sở khám chữa bệnh, đồng thời tăng cường triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe Răng miệng cộng đồng, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, dự phòng và sức khỏe Răng miệng Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Kiện toàn, phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe Răng miệng (CSSKRM), gắn kết các cơ sở khám, chữa bệnh với nhà trường và các tổ chức xã hội.
- Nâng cao hoạt động chăm sóc và dự phòng các bệnh Răng miệng.
- Thực hiện đúng các quy trình chuyên môn kỹ thuật Răng Hàm Mặt.
- Phát triển năng lực khám, chữa bệnh, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị các bệnh Răng Hàm Mặt.
- Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin và hệ thống quản lý thông tin quốc gia về sức khỏe Răng miệng.

3. Chỉ số hoạt động, triển khai đề án (có phụ lục chi tiết kèm theo).

II. PHẠM VI TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

Đề án được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

1. Phạm vi chuyên môn: Trọng tâm tại các cơ sở khám, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa các tuyến; các cơ sở khám, chữa bệnh Răng Hàm Mặt ngoài công lập.

2. Phạm vi cộng đồng: Trọng tâm tại Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội.

III. THỜI GIAN TRIỂN KHAI

Phân kỳ thời gian triển khai Đề án như sau:

1. Giai đoạn 2022-2025: Triển khai các hoạt động Đề án, ưu tiên kiện toàn hệ thống, thực hiện các quy trình chuyên môn kỹ thuật, hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Y tế, huy động sự tham gia và đầu tư của xã hội.

2. Giai đoạn 2026-2030: Sơ kết đánh giá việc triển khai Đề án, tiếp tục duy trì mặt tích cực và các kết quả tốt của Đề án giai đoạn 2022-2025, tiếp tục huy động sự tham gia và đầu tư của xã hội.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN VÀ GIẢI PHÁP

1. Kiện toàn phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe Răng miệng

1.1. Thành lập Ban chỉ đạo triển khai đề án cấp tỉnh

Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án cấp tỉnh, thành phần gồm: Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến Đề án.

1.2. Mở rộng, phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe Răng miệng giữa các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập với nhà trường và các tổ chức xã hội

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt chủ động xây dựng mạng lưới hợp tác với nhà trường và các tổ chức xã hội để phối hợp truyền thông, khám sàng lọc, CSSKRM.

- Thực hiện công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn giữa cơ sở công lập và ngoài công lập trong điều trị Răng Hàm Mặt theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Nâng cao hoạt động chăm sóc và dự phòng các bệnh Răng miệng

2.1. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân

- Thực hiện các chiến dịch truyền thông nhằm cung cấp kiến thức chăm sóc và phát hiện sớm các bệnh liên quan tới Răng Hàm Mặt, đa dạng hóa các hình thức truyền thông và các kênh cung cấp thông tin.

- Chủ động phối hợp với các tổ chức, đơn vị thực hiện truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng để lồng ghép nội dung CSSKRM trong các chương trình truyền thông.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ích lợi về chức năng, thẩm mỹ và chất lượng cuộc sống khi phát hiện và điều trị sớm ung thư miệng - hàm mặt.

- Truyền thông nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp và người dân về hiệu quả chăm sóc toàn diện dị tật vùng miệng - hàm mặt và lệch lạc răng - hàm.

- Tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc toàn diện khe hở môi vòm miệng ngay từ giai đoạn kết hôn, bà mẹ mang thai, sau khi sinh, phẫu thuật môi - vòm miệng, ngữ âm trị liệu, nắn chỉnh răng và các phương pháp phẫu thuật chỉnh hình xương.

- Tuyên truyền về các yếu tố nguy cơ lệch lạc răng trẻ em, các phương pháp dự phòng và điều trị lệch lạc răng từ sớm.

- Tuyên truyền giáo dục nha khoa cho người cao tuổi.

- Tuyên truyền giáo dục nha khoa cho trẻ em.

2.2. Khám sàng lọc và tư vấn chăm sóc

- Tập huấn chuyên môn, hướng dẫn triển khai quy trình sàng lọc các tổn thương sớm ung thư vùng miệng - hàm mặt tại các tuyến cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Phối hợp và huy động sự tham gia của các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp để triển khai khám sàng lọc tại cộng đồng, phát hiện và điều trị sớm các tổn thương tiền ung thư và ung thư miệng - hàm mặt.

2.3. Duy trì, phát triển chương trình nha học đường và chăm sóc sức khỏe Răng miệng trẻ em

- Triển khai các văn bản cam kết phối hợp giữa cơ sở y tế với các cơ sở giáo dục - đào tạo về việc duy trì và phát triển chương trình Nha học đường theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Huy động sự tham gia và hỗ trợ của các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp cho chương trình Nha học đường.

- Tổ chức triển khai một số nội dung của chương trình Nha học đường theo hướng dẫn của Bộ Y tế như:

- + Bộ giáo dục truyền thông trực quan cho đối tượng trẻ mầm non.

- + Tập huấn cho cán bộ nha học đường cho các trường trên địa bàn tỉnh.

- + Hỗ trợ phòng nha học đường và trang thiết bị cho các phòng nha học đường tại trường học/trạm y tế.

- + Tổng kết, đánh giá hiệu quả chương trình định kỳ.

2.4. Triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe Răng miệng người cao tuổi

- Huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân triển khai chương trình CSSKRM người cao tuổi. Mục tiêu chính của chương trình là 60% người cao tuổi còn ít nhất 20 răng tự nhiên còn chức năng.

- Tổ chức triển khai một số nội dung chính của chương trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế gồm:

- + Truyền thông, giáo dục sức khỏe các bệnh Răng miệng, cách tự chăm sóc các bệnh Răng miệng;

- + Truyền thông, giáo dục sức khỏe chế độ ăn phù hợp và các thói quen không có lợi cho sức khỏe răng miệng như đồ uống có ga, có cồn, hút thuốc, chất ngọt...

- + Phân tích những lợi ích của khám Răng miệng định kỳ, điều trị sớm các bệnh Răng miệng.

- + Phục hình phục hồi những răng mất chức năng và những răng đã mất.

3. Phát triển năng lực khám, chữa bệnh, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị các bệnh Răng Hàm Mặt

3.1. Đào tạo, tập huấn, phát triển năng lực khám, chữa bệnh

- Khảo sát tình trạng chuyên môn, kỹ thuật các tuyến.
- Tập huấn chuyên môn cho tuyến dưới.

3.2. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến

Luân phiên cán bộ, cử bác sỹ tuyến trên về tuyến dưới tập huấn, đào tạo, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật.

3.3. Tăng cường khám, chữa bệnh từ xa

- Huy động các nguồn lực đầu tư các phương tiện công nghệ thông tin và trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh từ xa.
- Thiết lập và duy trì giao ban, hội chẩn, khám, chữa bệnh từ xa định kỳ và đột xuất.

3.4. Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất

Huy động các nguồn lực nhà nước, nước ngoài, doanh nghiệp, tư nhân... đầu tư các trang thiết bị Răng Hàm Mặt và nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở khám, chữa bệnh Răng Hàm Mặt.

4. Xây dựng và chuẩn hóa các quy trình chuyên môn

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện danh mục chẩn đoán theo mã ICD 10 (Classifications International Classification of Diseases, 10th Revision) và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Răng Hàm Mặt theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thực hiện các quy trình chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng điều trị Răng Hàm Mặt theo quy định của Bộ Y tế ban hành.

5. Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin

- Cập nhật, triển khai hệ thống phần mềm thu thập, lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu cho các tuyến theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Cử bác sỹ tham gia học tập áp dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt do Bộ Y tế tổ chức; đầu tư trang thiết bị phục vụ cho việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn ODA, nguồn đóng góp của các nhà tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Ngân sách Trung ương sẽ chi trả cho các hoạt động gắn với các nhiệm vụ được Chính phủ và Bộ Y tế giao cho các đơn vị.

3. Ngân sách địa phương sẽ đảm bảo kinh phí triển khai các nhiệm vụ do chính quyền địa phương phân công.

4. Các bệnh viện huy động nguồn kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị, nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, nguồn hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

5. Nhà trường và các cơ sở giáo dục - đào tạo huy động nguồn kinh phí từ tổ chức, cá nhân, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các chương trình nha học đường.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội liên quan tổ chức thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị khám chữa bệnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung của Đề án.

- Chỉ đạo các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có khoa Răng Hàm Mặt: Tham gia các hoạt động Đề án, thực hiện theo phân công và chỉ đạo tuyến của các bệnh viện chuyên khoa Răng Hàm Mặt tuyến Trung ương; phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, tổ chức xã hội, doanh nghiệp... triển khai các hoạt động của Đề án.

- Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình Nha học đường.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trung học phổ thông thực hiện chương trình CSSKRM cho trẻ mầm non, học sinh, học viên và các hoạt động ngoại khóa có liên quan đến sức khỏe Răng miệng.

- Từng bước đưa các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác nha học đường vào công tác giáo dục thể chất tại các cơ sở giáo dục - đào tạo.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các sở ngành liên quan huy động các nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn của tư nhân... đầu tư các trang thiết bị răng hàm mặt và nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở khám, chữa bệnh Răng Hàm Mặt theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức chăm sóc và phát hiện sớm các bệnh Răng Hàm Mặt.

6. Các sở, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động Đề án; tăng cường truyền thông về các biện pháp phòng ngừa các bệnh Răng miệng.

7. Hội Người cao tuổi tỉnh

- Vận động người cao tuổi tham gia vào các hoạt động của Đề án.
- Tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe các bệnh Răng miệng, cách tự chăm sóc các bệnh Răng miệng, lợi ích của khám Răng miệng định kỳ... cho người cao tuổi.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- Bố trí nguồn lực và kinh phí đảm bảo việc thực hiện các nội dung theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh - Nguyễn Minh;
- Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Hội Người cao tuổi tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bình Thuận;
- Lưu: VT, KGVXNV. Việt.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh

PHỤ LỤC**Chỉ số hoạt động, triển khai Đề án***(Kèm theo Kế hoạch số 3554 /KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên chỉ số	Kết quả sau 4 năm
01	Tổng số hoạt động truyền thông răng hàm mặt được triển khai (Chương trình nha học đường, CSSKRM người cao tuổi, chăm sóc và dự phòng bệnh răng miệng)	50
02	Học sinh được tuyên truyền giáo dục sức khỏe răng miệng	Đạt 100%
03	Tổng số trường học tham gia hoạt động CSSKRM	Đạt 100%
04	Tổng số trường học thực hiện kiểm tra sức khỏe răng miệng cho học sinh đầu năm học theo quy định.	Đạt 85%
05	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe răng miệng học sinh trong trường học.	Đạt 95%
06	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn để sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe răng miệng học sinh trong trường học	Đạt 95%
07	Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và CSSKRM	Đạt trên 90%
08	Tỷ lệ người dân khám răng miệng định kỳ	Đạt 10%
09	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế nói chung và dịch vụ CSSKRM	Đạt trên 80%
10	Số chương trình phối hợp giữa cơ sở điều trị răng hàm mặt với nhà trường được triển khai	05
11	Tổng số bệnh viện đa khoa có chuyên khoa răng hàm mặt (công lập và ngoài công lập)	100%
12	Tổng số điều dưỡng, kỹ thuật viên răng hàm mặt được đào tạo	200
13	Tỷ lệ bệnh răng miệng ở trẻ em dưới 6 tuổi, 6-8 tuổi, 12 tuổi, 15 tuổi:	
	- Tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ dưới 6 tuổi	Dưới 60%
	- Tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ 6 -8 tuổi	Dưới 80%
	- Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn ở trẻ 12 tuổi	Dưới 35%
	- Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn ở trẻ 15 tuổi	Dưới 30%
	- Tỷ lệ viêm lợi ở trẻ em	Dưới 40%
14	Tỷ lệ bệnh răng miệng ở người trưởng thành theo các nhóm tuổi:	
	- Tỷ lệ sâu răng độ tuổi 18-34	Dưới 63%
	- Tỷ lệ sâu răng độ tuổi 35-44	Dưới 60%
	- Tỷ lệ sâu răng độ tuổi > 45	Dưới 60%
15	Tỷ lệ răng người cao tuổi có ít nhất 20 răng còn chức năng (trên 60 tuổi)	Đạt 60%
16	Tỷ lệ người dân được khám và điều trị các bệnh răng miệng	50%
17	Cập nhật cơ sở dữ liệu sức khỏe răng miệng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Đạt

18	Các kỹ thuật mới, phương pháp mới điều trị răng hàm mất được áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	10
19	Tỷ lệ trung bình bác sỹ Răng Hàm Mất so với dân số	1/10.000 dân
20	Giảm mức tiêu thụ đường trên đầu người	12 kg/năm